

QUYẾT ĐỊNH
Quy định một số nội dung về xây dựng và ban hành
văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân

1. Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phải đảm bảo đầy đủ các yếu tố sau:

- a) Do Ủy ban nhân dân ban hành theo hình thức quyết định, chỉ thị;
- b) Được ban hành theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;
- c) Có chứa quy tắc xử sự chung (mang tính quy phạm), được áp dụng nhiều lần đối với mọi đối tượng hoặc một nhóm đối tượng và có hiệu lực trong địa phương;
- d) Được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật (quyết định, chỉ thị) trong những trường hợp sau:

- a) Để thi hành Hiến pháp, Luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh;
- b) Để thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương và thực hiện các chính sách khác trên địa bàn;
- c) Văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên giao cho Ủy ban nhân dân quy định một vấn đề cụ thể.

Điều 2. Dự kiến chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị hằng năm của Ủy ban nhân dân thành phố được xây dựng căn cứ vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị quản lý ngành, lĩnh vực dự kiến chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố để thực hiện công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do mình phụ trách. Văn bản dự kiến chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất là ngày 15 tháng 11 hằng năm, trong đó xác định

tên loại văn bản, trích yếu nội dung văn bản, sự cần thiết cần phải ban hành văn bản, cơ quan soạn thảo, cơ quan phối hợp, thời gian soạn thảo, thời gian ban hành văn bản.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hết hạn dự kiến chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ lập dự kiến chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

4. Trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố có hiệu lực thi hành, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố gửi Quyết định về chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố đến các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan, tổ chức hữu quan để theo dõi, thực hiện.

5. Chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố là căn cứ để soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; những văn bản do Sở, Ban, ngành trình không thuộc chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố thì sẽ không được xem xét ban hành, trừ việc ban hành quyết định, chỉ thị trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm cụ thể hóa Chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố trong Chương trình công tác hằng tháng của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời, nhắc nhở, đôn đốc các đơn vị soạn thảo thực hiện đúng tiến độ soạn thảo theo chương trình được duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Điều chỉnh chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Cơ quan đã đề nghị xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố có thể đề nghị đưa ra khỏi chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố những văn bản đã dự kiến hoặc bổ sung văn bản vào chương trình trong những trường hợp sau:

- a) Văn bản không đảm bảo tiến độ và chất lượng soạn thảo hoặc không cần thiết phải ban hành;
- b) Tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương có thay đổi (văn bản dự kiến ban hành không phù hợp);
- c) Do văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương có sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới;
- d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Cơ quan đề nghị điều chỉnh chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Trình trình Ủy ban nhân dân thành phố gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; nội dung Trình trình nêu rõ lý do điều chỉnh. Trường hợp bổ sung văn bản vào chương trình thì cần xác định tên loại văn bản, trích yếu nội dung văn bản, sự cần thiết cần phải ban hành văn bản, cơ quan soạn thảo, cơ quan phối hợp, thời gian soạn thảo, thời gian ban hành văn bản.

3. Căn cứ đề nghị điều chỉnh chương trình xây dựng quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp dự kiến điều chỉnh chương trình và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định (thể hiện dưới hình thức quyết định).

Điều 4. Thẩm định dự thảo quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sau khi tổng hợp các ý kiến đóng góp của các đơn vị tham gia và hoàn chỉnh nội dung dự thảo quyết định, chỉ thị, cơ quan soạn thảo gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp để thẩm định, chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày Ủy ban nhân dân thành phố họp. Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm:

- a) Công văn yêu cầu thẩm định;
- b) Trình trình và dự thảo quyết định, chỉ thị;
- c) Bản tổng hợp ý kiến về dự thảo quyết định, chỉ thị;
- d) Các tài liệu có liên quan.

2. Đối với dự thảo quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố có quy định về thủ tục hành chính thì hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định, ngoài thành phần hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan dự thảo phải có thêm:

a) Bản đánh giá tác động về thủ tục hành chính của Sở Tư pháp (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính);

b) Báo cáo giải trình về việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, kể cả ý kiến góp ý của Sở Tư pháp (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính).

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết ban hành, đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo quyết định, chỉ thị;

b) Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo quyết định, chỉ thị với hệ thống pháp luật;

c) Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản;

d) Các nội dung dự thảo quyết định, chỉ thị chưa phù hợp hoặc trái với quy định của pháp luật; ngoài ra còn tập trung xem xét các vấn đề được quy định tại Điều 7, 8 của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

đ) Tính khả thi của dự thảo quyết định, chỉ thị (nếu cần thiết).

4. Chậm nhất là 07 (bảy) ngày trước ngày Ủy ban nhân dân thành phố họp, Sở Tư pháp gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan soạn thảo để điều chỉnh dự thảo quyết định, chỉ thị theo báo cáo thẩm định. Trong trường hợp, cơ quan dự thảo quyết định, chỉ thị không thống nhất với báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp thì trong tờ trình nêu rõ ý kiến khác nhau để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 5. Trình tự xem xét, thông qua dự thảo quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Việc xem xét, thông qua dự thảo quyết định, chỉ thị tại phiên họp Ủy ban nhân dân thành phố được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Đại diện cơ quan soạn thảo trình bày dự thảo quyết định, chỉ thị;

b) Đại diện Sở Tư pháp trình bày báo cáo thẩm định;

c) Ủy ban nhân dân thành phố thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo quyết định, chỉ thị.

2. Dự thảo quyết định, chỉ thị được thông qua khi có quá 1/2 tổng số thành viên Ủy ban nhân dân thành phố biểu quyết tán thành.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân thành phố ký ban hành quyết định, chỉ thị.

4. Trường hợp không tổ chức phiên họp Ủy ban nhân dân thành phố để thông qua dự thảo quyết định, chỉ thị thì Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc gửi toàn bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Quyết định này đến từng thành viên Ủy ban nhân dân thành phố nghiên cứu và xin ý kiến việc ban hành văn bản.

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo quyết định, chỉ thị, thành viên Ủy ban nhân dân thành phố phải có ý kiến bằng văn bản hoặc trực tiếp ghi ý kiến vào dự thảo quyết định, chỉ thị và gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét ban hành quyết định, chỉ thị.

Việc ban hành quyết định, chỉ thị đối với trường hợp không tổ chức phiên họp Ủy ban nhân dân thành phố nêu tại khoản 4 Điều này khi được quá 1/2 tổng số thành viên Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến tán thành ban hành.

Nếu dự thảo quyết định, chỉ thị chưa được quá 1/2 tổng số thành viên Ủy ban nhân dân thành phố tán thành thì Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc đưa vấn đề ra phiên họp Ủy ban nhân dân thành phố gần nhất để thảo luận thêm.

Điều 6. Thời điểm có hiệu lực của quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố có hiệu lực sau 10 (mười) ngày và đăng báo Cần Thơ chậm nhất là 05 (năm) ngày, kể từ ngày ký (ghi cụ thể ngày có hiệu lực, ngày đăng báo Cần Thơ kể cả quyết định, chỉ thị có hiệu lực muộn hơn).

2. Đối với quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố quy định các biện pháp giải quyết các vấn đề phát sinh đột xuất, khẩn cấp thì có thể quy định ngày có hiệu lực sớm hơn.

3. Không quy định hiệu lực trở về trước đối với quyết định, chỉ thị do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Điều 7. Một số quy định khác về văn bản quy phạm pháp luật

1. Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố phải quy định trực tiếp nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.

2. Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc bị đình chỉ việc thi hành, hủy bỏ hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

3. Một quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ nội dung trong nhiều quyết định, chỉ thị do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 8 năm 2013, đăng báo Cần Thơ chậm nhất là ngày 12 tháng 8 năm 2013 và thay thế Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định một số nội dung về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TT. TU, TT.HĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- UBMTTQVN TP và các đoàn thể;
- Sở, Ban, ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- Công báo thành phố;
- Báo Cần Thơ; Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, XD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
 (đã ký)
Lê Hùng Dũng